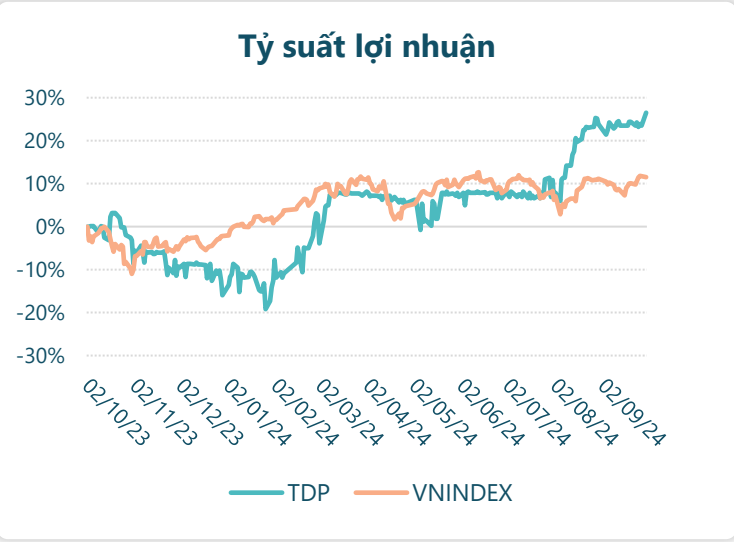


Ngày	36,150 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.1%	18.3%	17.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	23,091 - 36,150
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,189
Số lượng CPLH (CP)	88,222,250
KLGD BQ 20 phiên (CP)	83,655
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.27
EPS	1,122
P/E	32.2



Doanh thu thuần
Q3/24

1,059

tỷ VNĐ

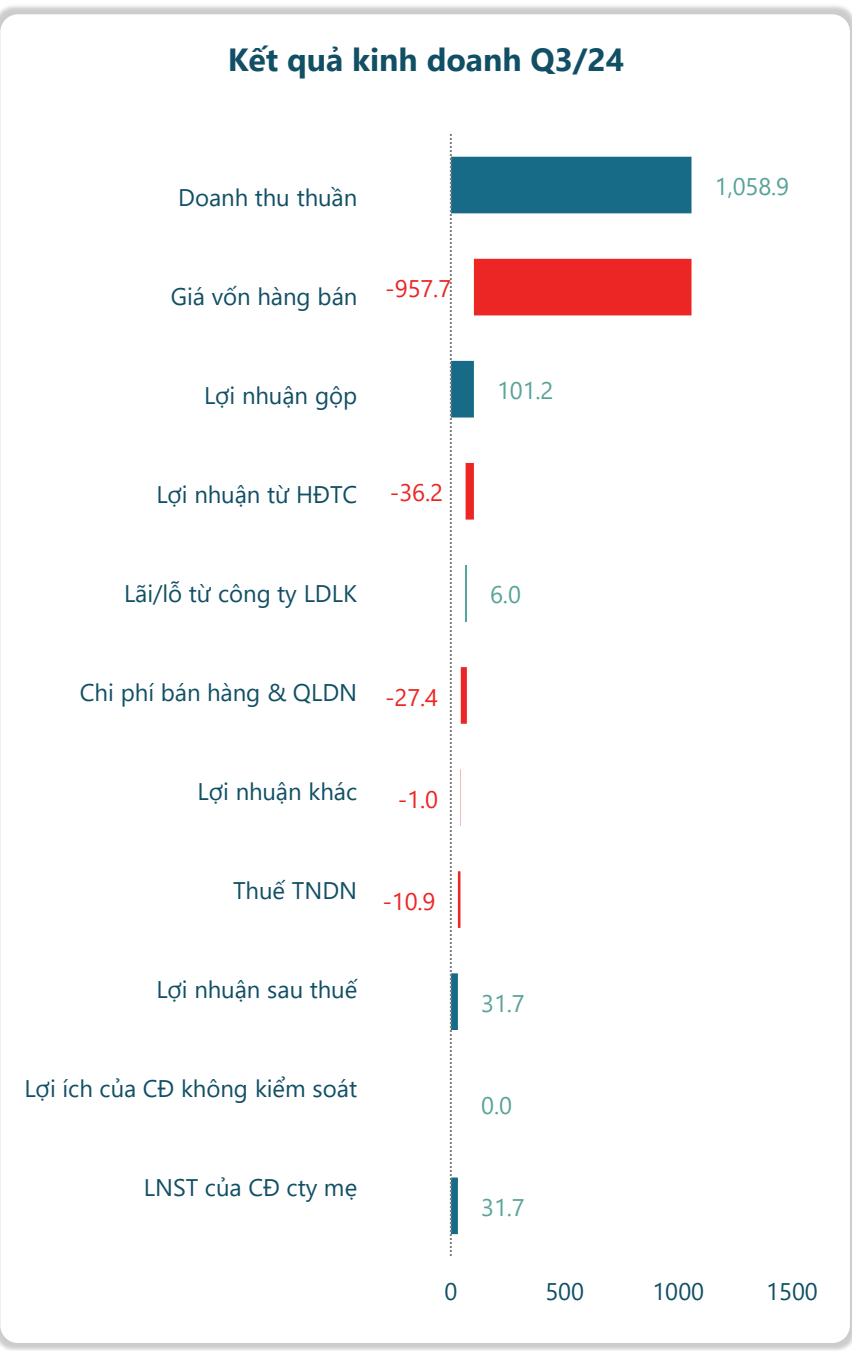
QoQ: ▲ 53.0 | 5.3%

YoY: ▲ 31.0 | 3.0%

Nợ/VCSH
Q3/24

280%

YoY: +/-▲ 0.9%



LN gộp
Q3/24

101

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.00 | -5.5%

YoY: ▲ 12.7 | 14.6%

ROE (TTM)
Q3/24

10.7%

YoY: +/-▲ 2.1%

LN trước thuế
Q3/24

42.6

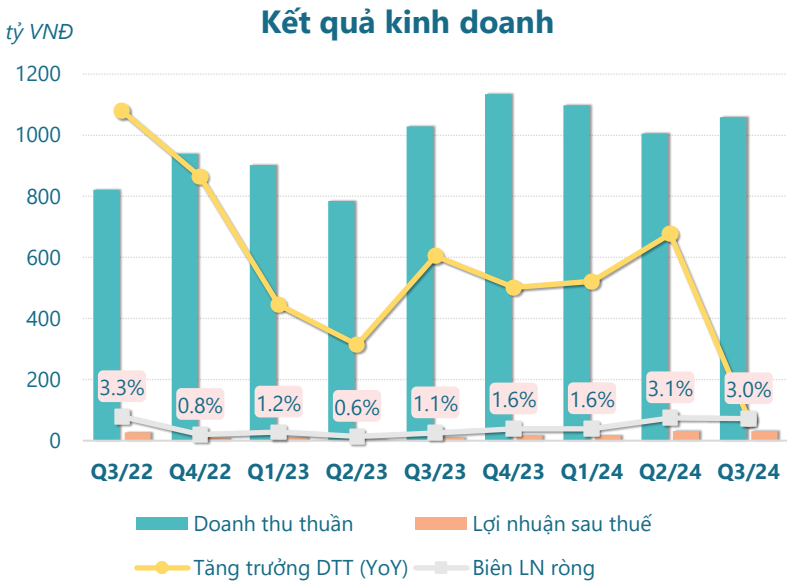
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 25.2 | 145%

ROA (TTM)
Q3/24

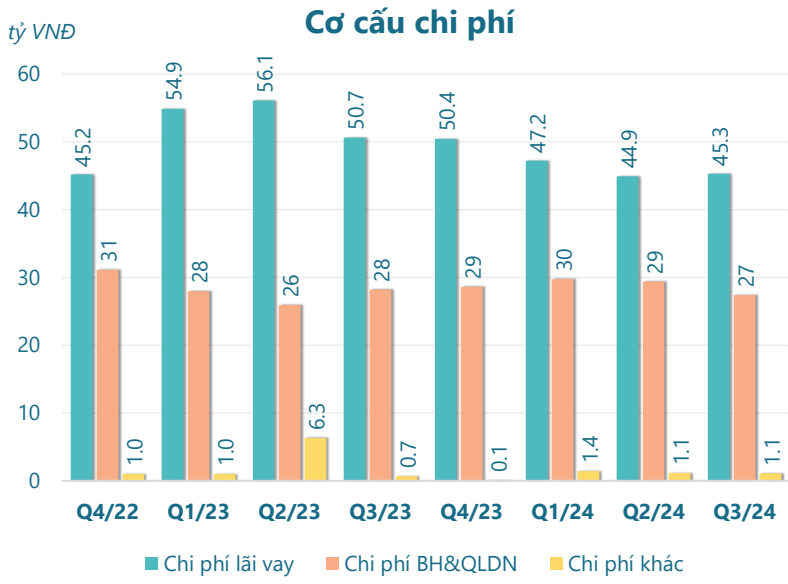
2.6%

YoY: +/-▲ 0.4%



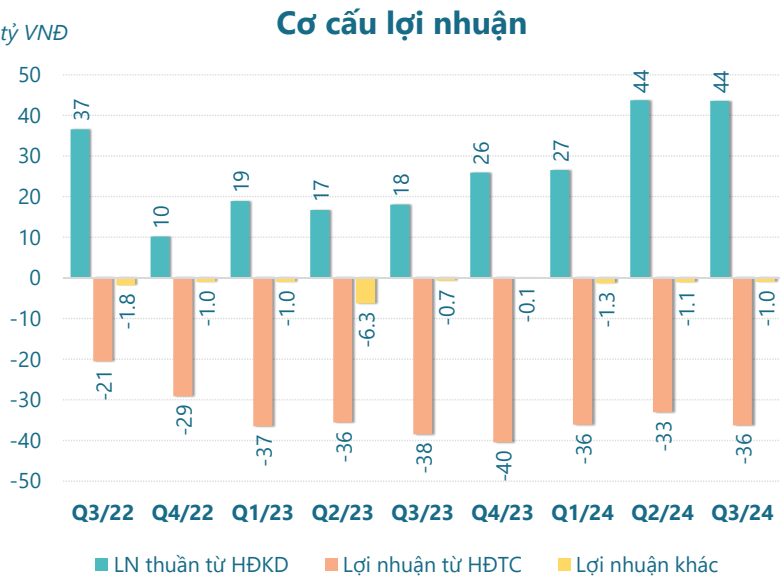
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 43.54 tỷ đồng**, giảm đi 0.37% so với kỳ trước và cao hơn 141% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 36.24 tỷ đồng** giảm đi 3.17 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 2.25 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.98 tỷ đồng** tăng thêm 0.07 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 0.29 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **TDP** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,059 tỷ đồng** tăng thêm **2.96%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 31.70 tỷ đồng, tăng trưởng 191%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **3,163 tỷ đồng** cao hơn 16.5% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 81.00 tỷ đồng** cao hơn 212% so với cùng kỳ năm trước.



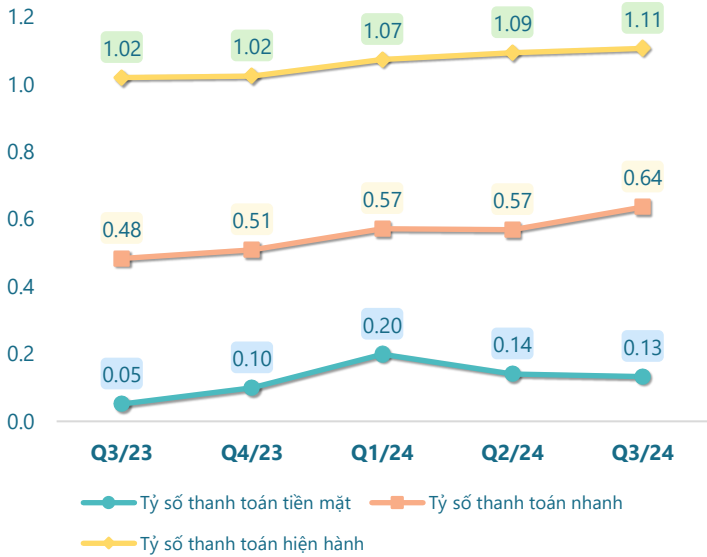
Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **45.30 tỷ đồng** tăng thêm 0.87% so với kỳ trước và thấp hơn 10.6% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **27.39 tỷ đồng** giảm đi 6.87% so với kỳ trước và thấp hơn 2.98% so với cùng kỳ năm trước.

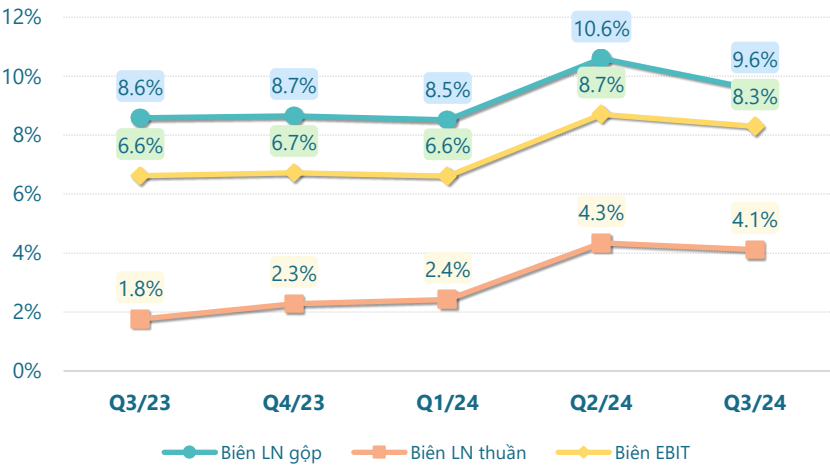
Chi phí khác bằng **1.09 tỷ đồng** giảm đi 3.54% so với kỳ trước và cao hơn 58.0% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,059	1,006	5.3%	1,028	3.0%	3,163	2,715	16.5%
Giá vốn hàng bán	958	899	6.5%	940	1.9%	2,861	2,460	16.3%
Lợi nhuận gộp	101	107	-5.5%	88.3	14.6%	301	255	18.2%
Doanh thu HĐTC	11.2	13.8	-18.7%	18.5	-39.4%	38.1	58.0	-34.3%
Chi phí TC	47.5	46.9	1.2%	57.0	-16.7%	144	169	-14.9%
Chi phí lãi vay	45.3	44.9	0.9%	50.7	-10.7%	137	162	-14.9%
LN trong công ty LKLD	6.01	-0.48	1351%	-3.46	274%	4.45	-8.42	153%
Chi phí bán hàng	13.2	13.1	0.5%	12.8	2.8%	39.0	34.6	12.6%
Chi phí QLDN	14.2	16.3	-12.7%	15.5	-8.2%	47.6	47.5	0.1%
LN thuần từ HĐKD	43.5	43.7	-0.4%	18.1	141%	114	53.8	112%
Lợi nhuận khác	-0.98	-1.05	6.6%	-0.69	-42.1%	-3.32	-8.01	58.6%
LN trước thuế	42.6	42.6	-0.1%	17.4	145%	111	45.8	141%
Lợi nhuận sau thuế	31.7	31.4	1.0%	10.9	191%	80.9	26.0	211%
LNST của CĐ cty mẹ	31.7	31.4	1.0%	10.9	191%	80.9	26.0	211%

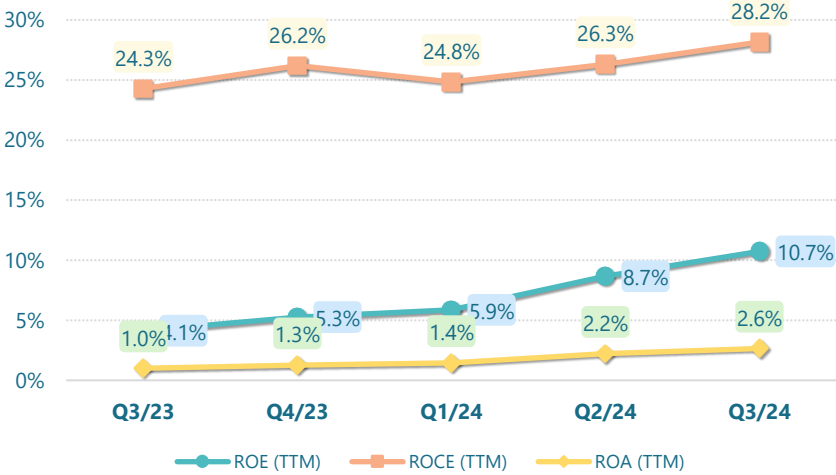
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

